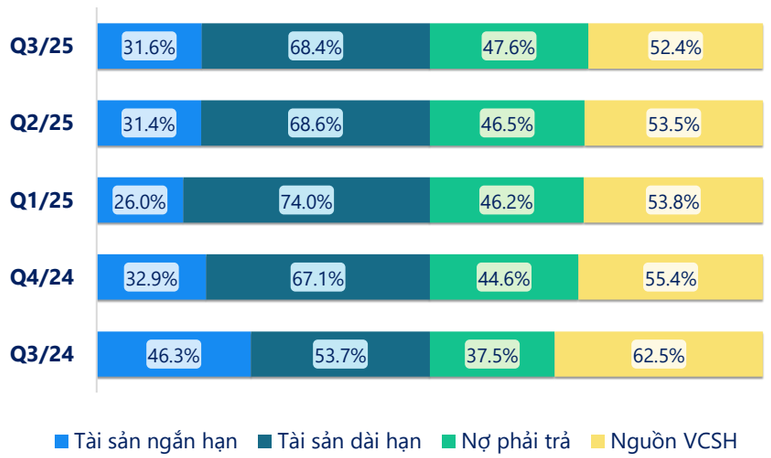
FireAnt

CTCP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (HSX: AAT)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	3,790
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,600
SL cổ phiếu LH	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	91,805
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
P/E	
EPS	

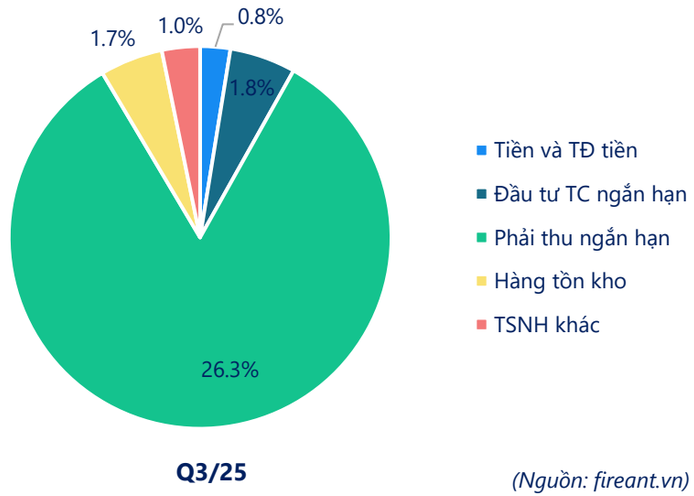
	YTD	1T	3T	6T
AAT	6.8%	6.8%	23.9%	17.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



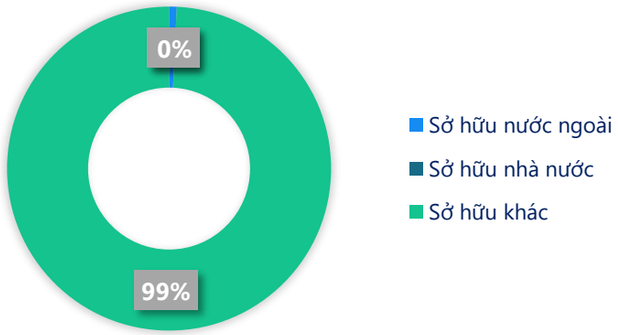
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



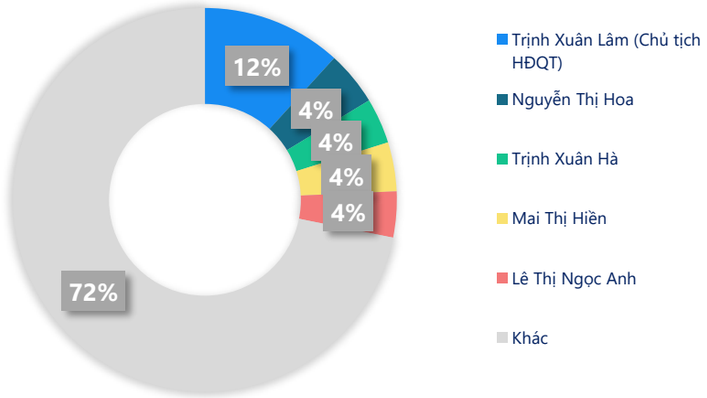
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



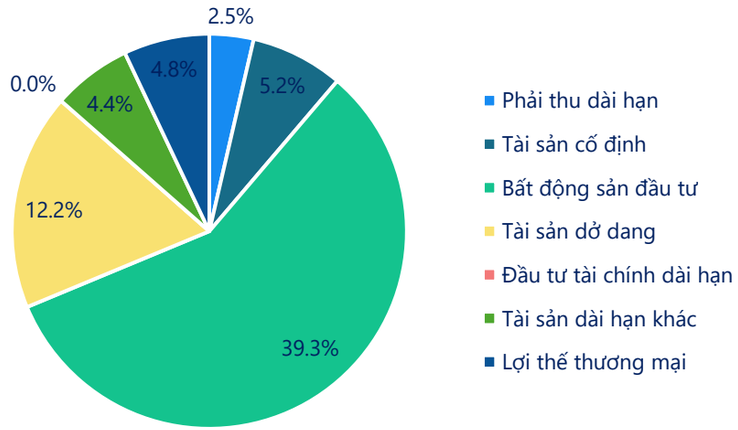
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

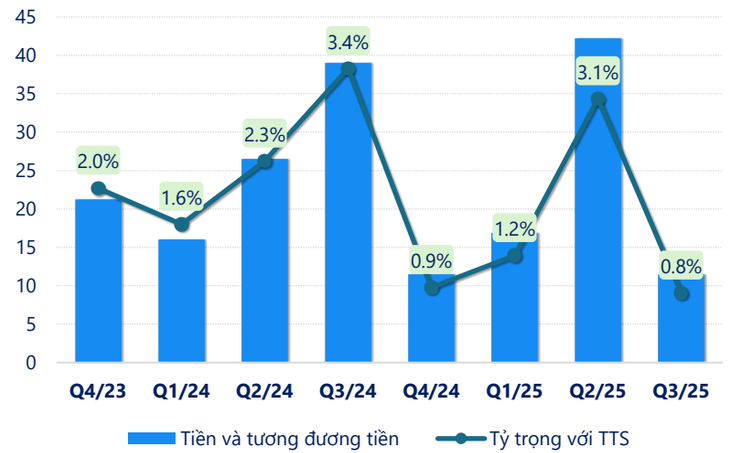


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

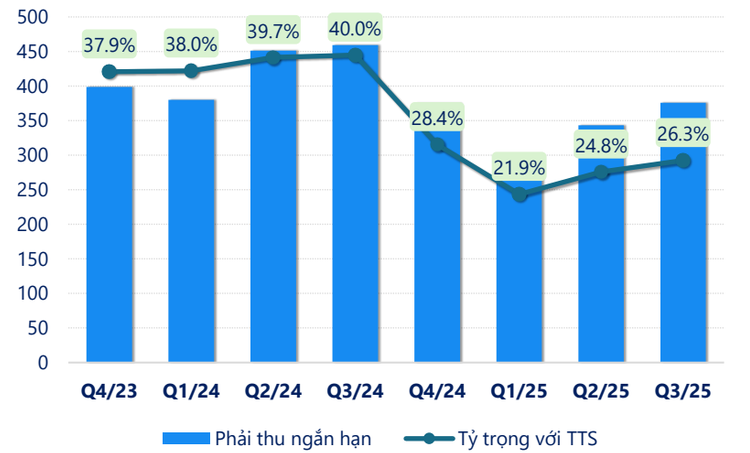
CTCP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (HSX: AAT)

Tiền và tương đương tiền



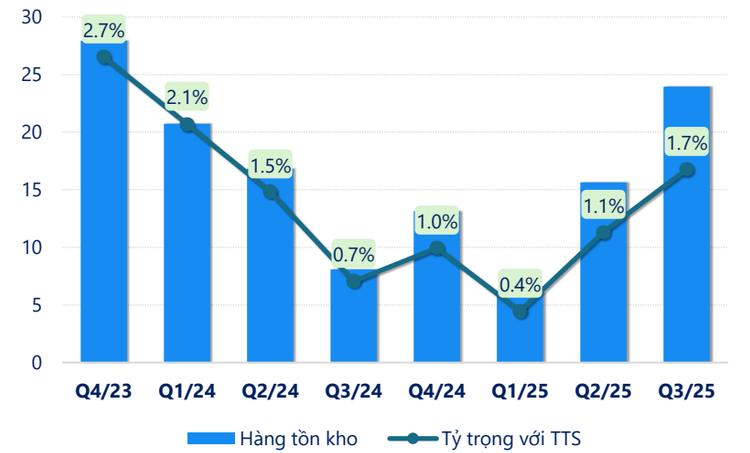
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



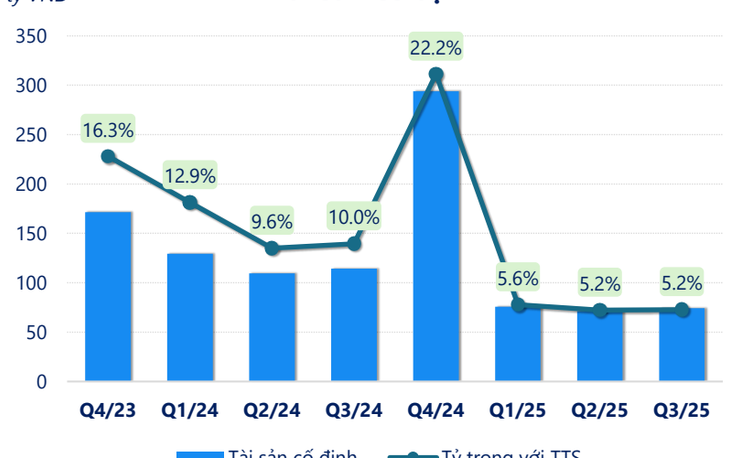
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



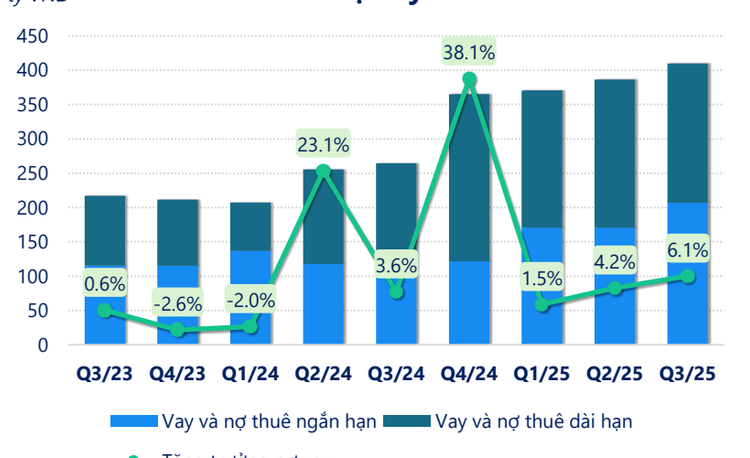
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



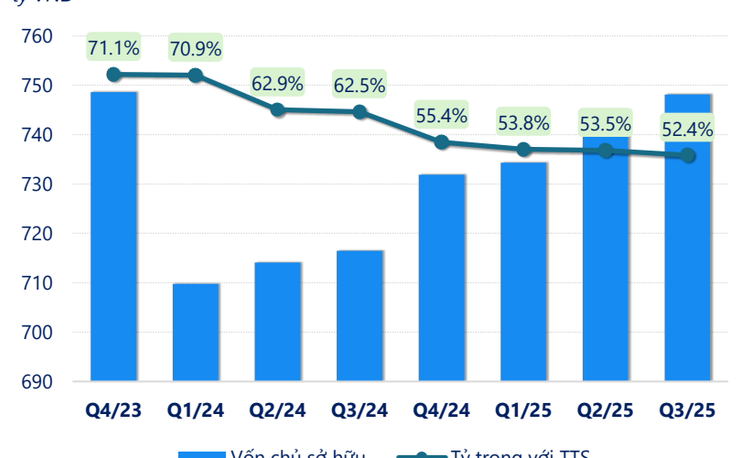
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

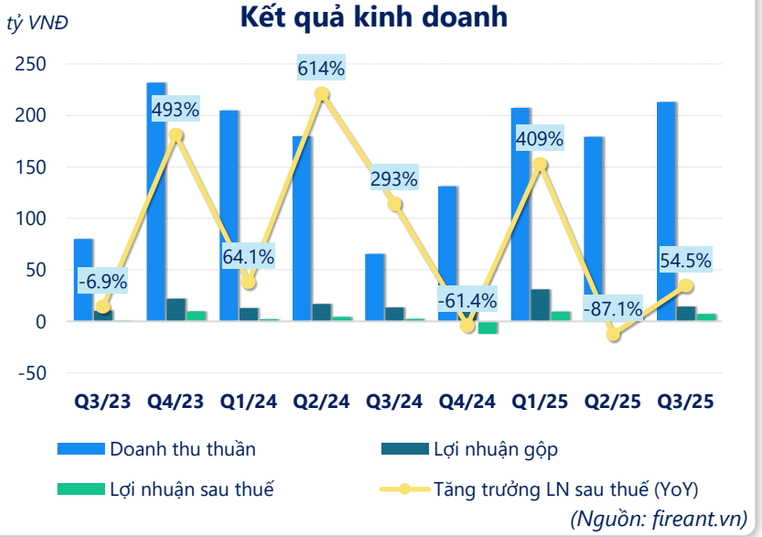
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

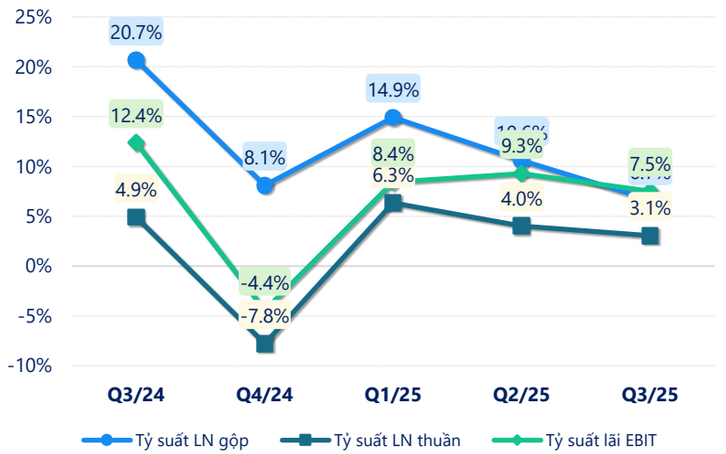
CTCP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (HSX: AAT)

Kết quả kinh doanh



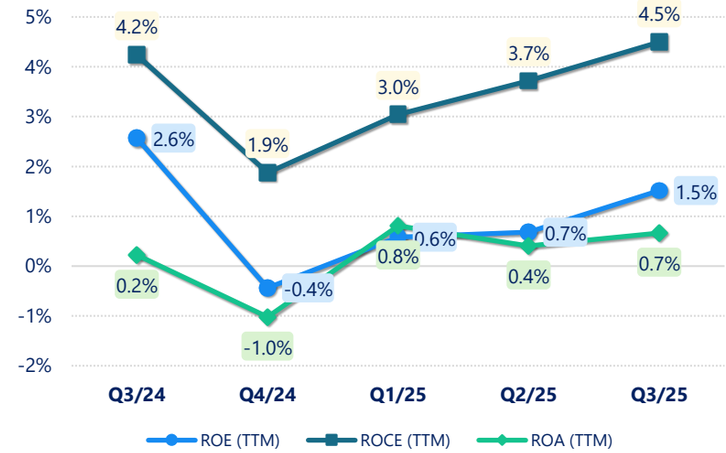
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



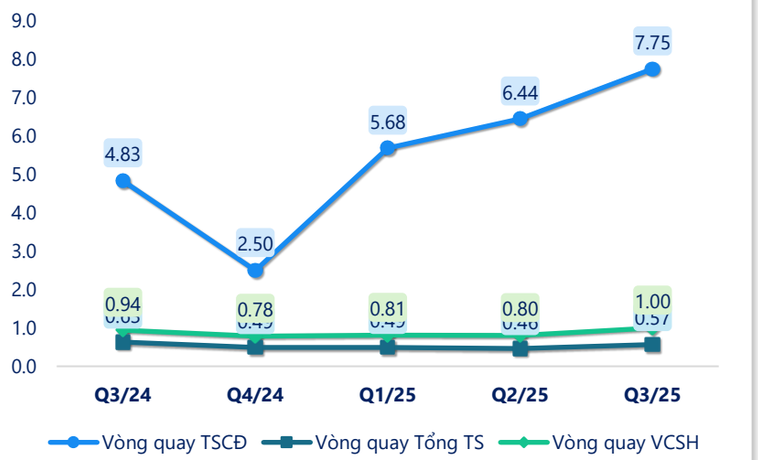
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



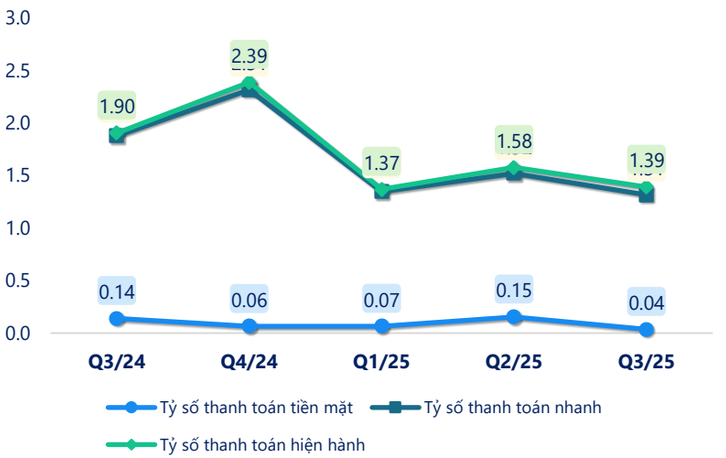
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



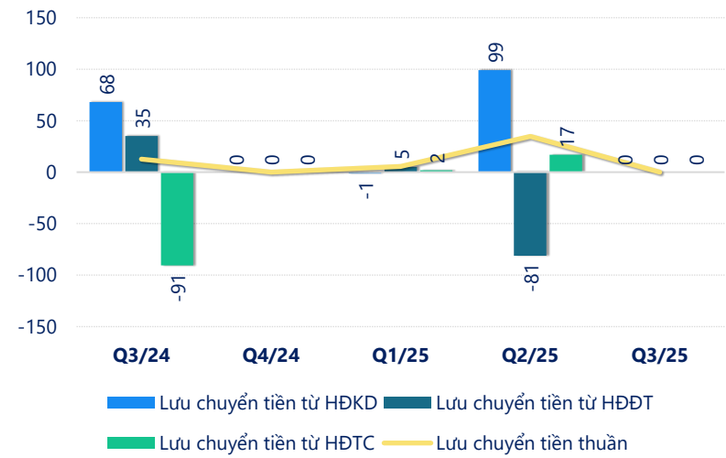
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (HSX: AAT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,428**	**1,334**	**7.0%**
Tài sản ngắn hạn	451	338	33.3%
Tiền và tương đương tiền	11.5	11.5	-0.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.1	26.6	-5.4%
Phải thu ngắn hạn	376	279	34.9%
Hàng tồn kho	24.0	13.3	80.5%
Tài sản ngắn hạn khác	14.5	8.26	75.7%
Tài sản dài hạn	**977**	**996**	**-1.9%**
Phải thu dài hạn	35.4	97.2	-63.6%
Tài sản cố định	74.3	78.8	-5.7%
Bất động sản đầu tư	562	511	10.0%
Tài sản dở dang	174	167	4.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**63.3**	**66.8**	**-5.3%**
Lợi thế thương mại	68.8	75.7	-9.1%
Nợ phải trả	680	609	11.7%
Nợ ngắn hạn	**325**	**200**	**62.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	207	135	53.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.7	21.4	43.5%
Nợ dài hạn	355	409	-13.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	203	233	-12.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**748**	**725**	**3.1%**
Vốn chủ sở hữu	**748**	**725**	**3.1%**
Vốn điều lệ	708	708	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	65.3	131	207	179	213
Giá vốn hàng bán	51.8	120	176	160	199
Lợi nhuận gộp	13.5	10.6	30.9	19.0	14.2
Doanh thu HĐTC	0.16	0.64	1.00	-0.20	1.10
Chi phí TC	5.48	5.31	8.03	9.79	8.15
Chi phí lãi vay	5.06	4.76	4.76	10.8	8.15
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.77	2.84	4.61	1.09	3.07
Chi phí QLDN	3.20	13.3	6.16	0.75	-2.45
LN thuần từ HĐKD	3.21	-10.2	13.1	7.18	6.51
Lợi nhuận khác	-0.18	-0.38	-0.41	-1.34	1.34
LN trước thuế	3.03	-10.6	12.7	5.84	7.85
Lợi nhuận sau thuế	2.38	-12.0	9.48	4.82	7.20
LNST của CĐ cty mẹ	2.38	-12.1	9.55	5.12	8.55

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	68.1	0	-1.38	99.0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	35.1	0	5.07	-81.2	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-90.7	0	1.71	16.9	0
Tiền đầu kỳ	26.5	0	11.5	16.9	0
Lưu chuyển tiền thuần	**12.5**	**0**	**5.40**	**34.7**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	39.0	0	16.9	42.2	0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic